

Số: 10/2021/QĐST-HNGĐ

Tân Uyên, ngày 08 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 213, 214, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 329/2020/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C; tạm trú: Tổ 2, khu phố V, phường T, thị xã T, tỉnh B.

- Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh N; tạm trú: Tổ 2, khu phố V, phường T, thị xã T, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thanh N đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/9/2016 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh C. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, hiện không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C và bà N đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Theo Biên bản thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 31/12/2020 ông C và bà N đã thỏa thuận được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 31/12/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thanh N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thanh N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Lê Thị Thanh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Quỳnh Bảo Ngọc, sinh ngày 15/3/2018. Ông Lê Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 01/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thanh N đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thanh N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0052084 ngày 16/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh C (01);
- Lưu: VT, HS (02).

THẨM PHÁN

Trần Đình Hưởng